TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2025
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Kiều

Bà Trần Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, về việc:*"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2000; nơi thường trú: khu N, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (đề nghị xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: anh Đường Như V, sinh năm 1977; địa chỉ: C, C, S, Cộng hòa X. Vắng mặt (đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày*: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đường Như V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh ngày 24/01/2019. Sau khi kết hôn, chị H và anh V chung sống hạnh phúc tại X. Đến năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn; đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng chị H và anh V nhận thấy không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị H được ly hôn anh V.

- Về con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian tới chị H sang lại Xlovakia sinh sống, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho chị H xin được vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án. Chị H ủy quyền cho anh Trần Văn L, sinh năm 1990; địa chỉ: số F, tổ A, khu A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh thay chị H nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao (gửi) cho chị H.

** Tại bản tự khai của bị đơn anh Đường Như V (được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đ tại X-va-kia ngày 06/02/2025), thể hiện nội dung*: anh Đường Như V và chị

Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh ngày 24/01/2019. Sau khi kết hôn, anh V và chị H chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ cuối năm 2021, anh V sang Cộng hòa X sinh sống và làm việc cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh V đồng ý ly hôn chị H. Anh V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho anh V được ly hôn chị H, để cả hai ổn định cuộc sống.

- Về con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh V đang làm việc tại X, không có điều kiện về Việt Nam để giải quyết vụ án, anh V xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, các phiên tòa xét xử vụ án. Anh V ủy quyền cho anh Trần Văn L, sinh năm 1990; địa chỉ: số F, tổ A, khu A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh thay anh V nhận các văn bản, giấy tờ tố tụng của Tòa án giao (gửi) cho anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Ly hôn",* bị đơn anh Đường N V hiện đang sinh sống, làm việc tại X. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Đường Như V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã có bản tự khai đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H và đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đường Như V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh ngày 24/01/2019, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị H anh V chung sống tại X; đến năm 2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H và anh V đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh V, anh V đồng ý. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh V không còn sống chung, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không cùng nhau chia sẻ công việc

trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh V.

[2.2] Về con chung: không có, chị H và anh V đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị H và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Đường Như V.

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005962 ngày 11/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đường N V biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND thành phố M, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng